

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẶC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2023/HS-ST

Ngày 22 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. **Bùi Văn T**; sinh ngày 21 tháng 9 năm 1990; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Bùi Văn H** (Chết); con bà: **Phạm Thị H1**; tiền sự: Ngày 21/7/2022 bị **Công an huyện N**, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 6.500.000đ về hành vi cố ý gây thương tích; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 10/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 24/8/2019 chấp hành xong hình phạt; bị tạm giữ từ ngày 16/01/2023, tạm giam từ ngày 19/01/2023 cho đến nay. Có mặt.

2. **Bùi Thị T1**; sinh ngày 08 tháng 5 năm 1997; tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: **Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Bùi Văn C** (Chết); con bà: **Lê Thị H2**; có 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 13/01/2023, tạm giam từ ngày 19/01/2023 cho đến nay. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** **Anh Đào Anh D**; sinh

năm: 1977; nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện N**, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ *Người làm chứng:*

1. Anh **Phạm Văn D1**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: **Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

2. Chị **Phạm Thị H3**; sinh năm: 1989; nơi cư trú: **Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

3. Chị **Phạm Thị L**; sinh năm: 1994; nơi cư trú: **Thôn D, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

4. Anh **Đào Minh T2**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: **Tổ dân phố N, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Hiện đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 02 Thanh Hoá. Vắng mặt.

5. Ông **Thiều Hồng P**; sinh năm: 1969; nơi cư trú: **Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

6. Anh **Vũ Minh L1**; sinh năm: 1979; nơi cư trú: **Thôn D, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

7. Anh **Bùi Văn Y**; sinh năm: 1986; nơi cư trú: **Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 13/01/2023 tại khu vực trước cổng **nhà nghỉ S** thuộc **thôn M, xã M, huyện N** tổ công tác **Công an huyện N** phát hiện **Bùi Thị T1**, trú tại **thôn M, xã M, huyện N** có biểu hiện nghi vấn, tiến hành kiểm tra phát hiện trong túi áo khoác ngoài bên trái của **T1** có 01 gói giấy loại giấy ăn màu trắng, bên trong có 01 gói giấy bạc màu trắng chứa 06 viên nén hình tròn màu đỏ nghi là ma túy, nên đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng để xử lý theo quy định.

Bùi Thị T1 khai mua số ma túy trên của **Phạm Văn D1**; sinh năm: 1987; nơi cư trú: **Tổ dân phố D, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Cơ quan điều tra **Công an huyện N** tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Phạm Văn D1** không phát hiện được gì, đồng thời điều tra làm rõ nguồn gốc số ma túy **D1** bán cho **T1**, **D1** khai mua của **Đào Anh D**; sinh năm: 1977; nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa** với giá 500.000đ được 07 viên ma túy loại hồng phiến, sau đó **D1** sử dụng 01 viên còn 06 viên bán cho **T1** với giá 500.000đ. Tuy nhiên sau đó **T1** và **D1** thay đổi lời khai không có việc mua bán ma túy giữa **T1** và **D1**. Do mâu thuẫn cá nhân và sợ liên quan đến **Đào Anh D** là bạn trai của **T1** nên **T1** khai mua ma túy của **D1**, **D1** cay cú với **T1** và biết **T1** thời gian gần đây ở nhà **D** nên **D1**

khai mua ma túy của **D** bán cho **T1** để trả thù **T1**.

Theo lời khai của **Bùi Thị T1**, khoảng cuối tháng 11/2022, **Bùi Thị T1** có mối quan hệ tình cảm, thường xuyên qua lại với **Đào Anh D**. Sáng ngày 12/01/2023 trong lúc quét dọn nhà cho **Đào Anh D**, **T1** nhặt được 01 gói giấy bạc màu trắng, mở ra thấy bên trong có 06 viên ma túy loại hồng phiến, **T1** đem cất giấu vào túi áo để sử dụng, đến ngày 13/01/2023 thì bị **Công an huyện N** phát hiện bắt giữ. Tuy nhiên, **D** không thừa nhận số ma túy trên là của **D**.

Ngoài ra, **Bùi Thị T1** còn khai nhận: Do quen biết với **Bùi Văn T**, ở **thôn T, xã K**, nên khoảng 18 giờ một ngày cuối tháng 10/2022 **T1** nhắn tin cho **T** hỏi mua 300.000đ ma túy dạng đá (MDMA) để sử dụng, **T** đồng ý và hẹn **T1** đến khu vực ngã ba **thôn T, xã K** đưa tiền **T** lấy ma túy giúp cho. **T1** đón xe khách đến khu vực ngã ba **thôn T** đưa cho **T** số tiền 300.000đ, **T** bảo **T1** đứng chờ, **T** điều khiển xe mô tô đi một lúc quay lại **T** đưa cho **T1** 01 gói nilon màu trắng bên trong là ma túy dạng đá, xong **T1** và **T** đi về. **T1** đã sử dụng hết số ma túy.

Đến ngày 16/01/2023 **Bùi Văn T** đến Cơ quan điều tra **Công an huyện N** đầu thú, khai nhận: Khoảng 18 giờ (không nhớ ngày) cuối tháng 10/2022 **Bùi Thị T1** nhắn tin hỏi mua 300.000đ ma túy dạng đá, **T** đồng ý và hẹn **T1** đến ngã ba **thôn T, xã K** lấy ma túy, sau đó **T1** đến đưa cho **T** số tiền 300.000đ, **T** bảo **T1** đứng chờ, **T** điều khiển xe mô tô đến khu vực **cầu L** dừng lại lấy gói ma túy chia thành 02 gói, 01 gói cất giấu trong bao thuốc lá để sử dụng, 01 gói bằng nilon màu trắng đem đến ngã ba **thôn T, xã K** đưa cho **T1**, là hoàn toàn phù hợp với tài liệu, chứng cứ đã thu thập.

Trên cơ sở lời khai của **Phạm Văn D1**, tiến hành mở rộng điều tra, ngày 14/01/2023 Cơ quan điều tra **Công an huyện N** tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Đào Anh D** thu giữ: 92 viên nén hình tròn màu đỏ nghi là ma túy loại hồng phiến và 31 gói giấy bạc màu trắng bên trong có chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy loại Heroine. Kết luận giám định, 92 viên nén có tổng khối lượng là 9,014 gam loại Methamphetamine; 31 gói giấy bạc màu trắng có tổng khối lượng là 5,052 gam loại Heroine. Cơ quan điều tra **huyện N** đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với **Đào Anh D** về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Xét thấy hành vi phạm tội của **Đào Anh D** xảy ra trên địa bàn **huyện C**, không liên quan đến hành vi phạm tội của **Bùi Thị T1** và **Bùi Văn T**, thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy. Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc đã chuyển vụ án, bị can và vật chứng có liên quan đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 475/KL-KTHS ngày 18/01/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: “06 (Sáu) viên nén hình tròn màu đỏ, trên bề mặt mỗi viên nén được khắc chữ “WY” của phong bì ký hiệu M niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,571g (Không phải năm bảy một gam) loại: Methamphetamine”.

Tại bản cáo trạng số 23/CT-VKS-NL ngày 06 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) **huyện N, tỉnh Thanh Hóa** đã truy tố bị

cáo **Bùi Văn T** về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS); bị cáo **Bùi Thị T1** về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX):

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo **Bùi Văn T** mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo **Bùi Thị T1** mức án từ 15 tháng đến 18 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 251; Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo **Bùi Văn T** từ 5.000.000đ (Năm triệu đồng) đến 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Bị cáo **Bùi Thị T1** không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Truy thu của bị cáo **Bùi Văn T** số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước. Tiếp tục lưu giữ tại kho vật chứng của **Công an huyện N 01** (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu trắng, biển kiểm soát 36M1-0776 do **Bùi Thị T1** sử dụng vào việc phạm tội để Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của VKS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng anh **Bùi Văn Y** đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng anh **Phạm Văn D1**, chị **Phạm Thị H3**, chị **Phạm Thị L**, anh **Đào Minh T2**, ông **Thiều Hồng P**, anh **Vũ Minh L1** đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh:

Khoảng 18 giờ một ngày cuối tháng 10/2022, tại khu vực ngã Ba **thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**, **Bùi Văn T** đã bán trái phép chất ma túy dạng đá (MDMA) cho **Bùi Thị T1** với số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Bùi Văn T** đã có hành vi phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 13/01/2023 tại khu vực trước công **nhà nghỉ S, thuộc thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa**, bị cáo **Bùi Thị T1** có hành vi tàng trữ trái phép 0,571g (Không phải năm bảy một gam) ma túy loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Bùi Thị T1** đã có hành vi phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và đều có 01 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo **Bùi Văn T** đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự, trị an và an toàn xã hội trên địa bàn, làm ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển giống nòi, mà còn là tiền đề và điều kiện phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác trong xã hội. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo **T** phạm tội vì mục đích vụ lợi nên cần áp dụng khoản 5 Điều 251; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo **T1** có thu nhập nên cần áp dụng khoản 5 Điều 249; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS để phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng: Số ma túy còn lại sau giám định là vật cấm tàng trữ, lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Truy thu số tiền bán ma túy của bị cáo **Bùi Văn T** là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu trắng, biển kiểm soát 36M1-0776 và 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đỏ của **Bùi Thị T1**, 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen của **Bùi Văn T**.

Quá trình điều tra xác định 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A31 màu đỏ và 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen không liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà **Lê Thị H2** (mẹ đẻ bị cáo **T1**) và chị **Bùi Thị Kiều M** (chị gái bị cáo **T**) là đúng quy định của pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α màu trắng, biển kiểm soát 36M1-0776, bị cáo **T1** sử dụng vào việc phạm tội là mượn của **anh Đào Anh D**; sinh năm: 1977; nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Quá trình điều tra, chưa xác định được chủ sở hữu chiếc xe mô tô nên tiếp tục lưu giữ tại kho vật chứng của **Công an huyện N** để Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với **anh Đào Anh D**: **Anh D** không biết bị cáo **T1** mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, hành vi của **anh D** không có dấu hiệu tội phạm hình sự, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36K5-162.34 bị cáo **Bùi Văn T** sử dụng đi bán ma túy cho **T1**, xác định chiếc xe mô tô thuộc sở hữu của **anh Bùi Văn Y**, ở **thôn T, xã K**. **Anh Y** không biết **T** mượn xe mô tô sử dụng vào việc phạm tội, hành vi của **anh Y** không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe mô tô và không xem xét xử lý đối với **anh Y** là có căn cứ.

[10] Theo lời khai của **Bùi Thị T1**: Nguồn gốc số ma túy của bị cáo là nhặt được tại nhà của **Đào Anh D**; sinh năm: 1977; nơi cư trú: **Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Tuy nhiên quá trình làm việc **D** không thừa nhận, chưa xác định được nguồn gốc số ma túy của **T1**.

Theo lời khai của bị cáo **Bùi Văn T** về người đàn ông bán ma túy cho bị cáo: Khi gặp **T**, người đàn ông này đeo khẩu trang, bị cáo cũng không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người đàn ông này.

Hiện chưa đủ căn cứ để xử lý đối với các nội dung trên. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi có đủ căn cứ xử lý sau. HĐXX đề nghị Cơ quan điều tra **Công an huyện N** tiếp tục xác minh xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện N**,

Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo **Bùi Văn T** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt **Bùi Văn T** 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 16/01/2023).

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo **Bùi Thị T1** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt **Bùi Thị T1** 18 (Mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 13/01/2023).

Hình phạt bổ sung:

Áp dụng khoản 5 Điều 251; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo **Bùi Văn T** 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 5 Điều 249; khoản 2, khoản 3 Điều 35 BLHS: Phạt tiền bị cáo **Bùi Thị T1** 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định kèm bao gói niêm phong (Chi tiết theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 10/7/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc).

Truy thu của bị cáo **Bùi Văn T** số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này, anh **D** có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA huyện Ngọc Lặc;
- CQTHAHS CA huyện Ngọc Lặc;
- Nhà tạm giữ CA huyện Cẩm Thủy;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Thịnh